

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ GIA NGHĨA
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **76/2023/HS-ST**
Ngày: 21-9-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ GIA NGHĨA, TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thắm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thông và bà Đặng Thị Phương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Phi Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 59/2023/TLST-HS ngày 28/7/2023, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2023/QĐXXST-HS ngày 25/8/2023 và quyết định hoãn phiên tòa số: 48/2023/HSST-QĐ ngày 08/9/2023 đối với các bị cáo:

1. Hoàng Đình T, sinh năm 1987, tại tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Thôn A, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 04/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Đình H và con bà Lê Thị C (*đều đã chết*); có vợ là Nguyễn Thị H, đã ly hôn và 01 con;

Nhân thân: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 19/2008/HS-ST ngày 06/5/2008 TAND huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 06 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, ngày 11/7/2008 chấp hành xong hình phạt;

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 149/2010/HS-ST ngày 29/6/2010 TAND thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, ngày 20/12/2011 chấp hành xong hình phạt;

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 27/2015/HS-ST ngày 09/11/2015 TAND huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, ngày 10/01/2016 chấp hành xong hình phạt;

Tại quyết định số 13/2022/QĐ-TA ngày 20/10/2022 TAND huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”, thời hạn 24 tháng; ngày 13/4/2023 chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại Cơ sở điều trị, cai nghiện ma túy tỉnh Đắk Lắk; ngày 31/5/2023 Cơ sở cai nghiện ra quyết định tạm đình chỉ thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc để phục vụ hoạt

động điều tra;

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/5/2023; hiện đang tạm giam - có mặt.

2. Dương Anh T, sinh năm 1988, tại tỉnh Bắc Ninh; nơi cư trú: Thôn 7, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Tất T và con bà Dương Thị H; có vợ là Phạm Thị Thu T, đã ly hôn và 01 con; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/5/2023; đang tạm giam - có mặt.

Bị hại: Ông Lê Văn D; địa chỉ: Tổ dân phố 2, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông - có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 20 giờ 00 phút ngày 02/02/2023, Hoàng Đình T rủ Dương Anh T đến xưởng nước đá Quốc V thuộc tổ dân phố 6, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông do ông Lê Văn D làm chủ để trộm cắp tài sản, thì T đồng ý. Đến khoảng 16 giờ ngày 03/02/2023, T điều khiển xe mô tô BKS 47M2-6482 chở T1 đi từ thành phố B, tỉnh Đắk Lắk đến thành phố G. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, T1 và T đến nhà máy nước đá Quốc V, cả hai thống nhất T đứng ở ngoài canh giới, còn T1 vào trong trộm cắp tài sản.

Do trước đây T1 làm thuê tại xưởng, biết ông D thường để tiền sau ghế tài xe ô tô tải BKS 48C-051.68 nên T1 đi đến xe ô tô tải để lấy trộm thì thấy cửa xe bị khóa. T1 nhặt 01 móc sắt (*loại móc dùng để kéo đá*) mở cửa xe rồi trèo lên cabin lục tìm tài sản. Lúc này, T1 thấy trong cốp xe bên phụ có 01 chiếc điện thoại Nokia 8000 4G màu đen nên lấy bỏ vào túi quần. T1 tiếp tục quan sát thì thấy phía sau ghế tài có 01 chiếc túi da, T1 mở ra thấy bên trong có số tiền 9.020.000đ, 01 nhẫn vàng 18K và nhiều giấy tờ cá nhân của ông D, T1 lấy số tiền 9.020.000đ và 01 nhẫn vàng cất trong túi da rồi đeo lên người, còn các giấy tờ để lại trên cabin xe. Sau đó, T1 đi vào bên trong phòng ngủ thì thấy ông D đang ngủ, T1 tiếp tục lục tìm tài sản, thấy trên giường có 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung A50S và số tiền 5.000.000đ được cất trong 01 chiếc quần đùi để trên giường của ông D nên đã lấy trộm.

Sau khi T1 trộm cắp được những tài sản trên, T điều khiển xe mô tô BKS 47M2-6482 chở T1 về lại nhà của mình tại thôn 7, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Tại đây, T1 lấy số tiền 7.320.000đ, 01 chiếc điện thoại Nokia 8000 4G, 01 chiếc túi da và 01 chiếc nhẫn bằng vàng; còn T lấy số tiền 6.700.000đ và 01 chiếc điện thoại Samsung, loại A50S. Đối với số tiền 14.020.000đ T1 và T sử dụng tiêu xài cá nhân, 01 điện thoại Nokia và 01 ví da T1 vứt thùng rác ven đường (*không rõ vị trí*), 01 chiếc nhẫn vàng T1 làm rơi mất; 01 điện thoại Samsung T phát hiện có người định vị nên đem vứt xuống cầu Sêrêpôk (*cầu 14*) giáp ranh tỉnh Đắk Lắk và Đắk Nông.

Ngày 18/5/2023, ông D đã trình báo sự việc trên đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Gia Nghĩa để giải quyết.

Việc thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài liệu: Tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam: 7.000.000đ (do bà Dương Thị H là mẹ của Dương Anh T tự nguyện giao nộp để bồi thường cho bị hại); đối với 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung, loại A50S; 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia 8000 4G, màu đen; 01 nhẫn bằng vàng, các bị cáo đã vứt không xác định được vị trí nên không thu giữ được.

Bản kết luận định giá tài sản số 16/KL-HĐĐG ngày 26/5/2023 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong Tổ tụng hình sự thành phố Gia Nghĩa, kết luận: Tại thời điểm ngày 03/02/2023 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A50S trị giá 1.557.600đ; điện thoại Nokia 8000 4G trị giá 305.800đ; 01 túi đeo chéo trị giá 58.000đ; 01 nhẫn vàng không xác định được giá do chưa có giấy kiểm định của cửa hàng bán vàng. Tổng giá trị tài sản Hoàng Đình T và Dương Anh T đã trộm cắp là 15.941.400đ.

Cáo trạng số: 62/CT-VKS-GN ngày 26/7/2023, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa truy tố các bị cáo Hoàng Đình T và Dương Anh T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận Viện kiểm sát truy tố các bị cáo về tội danh, khoản và điều luật như Cáo trạng là đúng, không oan.

Kết quả tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản”; sau khi phân tích nội dung vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng Đình T từ 12 đến 15 tháng tù; Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Dương Anh T từ 06 đến 09 tháng tù; đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về bồi thường thiệt hại: Bị hại yêu cầu các bị cáo phải trả lại số tiền 18.421.000đ (trong đó, 15.941.000đ là tài sản trộm cắp và 2.500.000đ giá trị của chiếc nhẫn vàng), hiện bị cáo T đã bồi thường 7.000.000đ, còn bị cáo T1 chưa bồi thường. Căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự và Điều 589 của Bộ luật Dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc bị cáo T1 phải bồi thường toàn bộ số tiền 11.421.000đ cho ông Lê Văn D.

Về xử lý vật chứng: 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung, loại A50S; 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia 8000 4G và 01 nhẫn bằng vàng không thu giữ được nên đề nghị không đề cập xử lý.

Các bị cáo không trình bày lời bào chữa, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến

hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã T1 hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã T1 hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ lưu tại hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận: Vào khoảng 23 giờ ngày 03/02/2023, tại xưởng nước đá Quốc V thuộc tổ dân phố 6, phường N, thành phố G, Hoàng Đình T và Dương Anh T đã lén lút trộm cắp 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung A50S, 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia 8000 4G, 01 túi đeo chéo có giá trị 1.921.400đ và 14.020.000đ tiền mặt của ông Lê Văn D. Tổng giá trị tài sản trộm cắp là 15.941.400đ. Do đó, có đủ căn cứ kết luận bị cáo Hoàng Đình T và Dương Anh T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...”.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là ít nghiêm trọng, nhưng đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ và gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương. Do đó, cần xử phạt các bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của mỗi bị cáo và cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung trong xã hội.

Trong vụ án này, bị cáo Hoàng Đình T là người rủ rê, khởi sự, trực tiếp T1 hiện hành vi trộm cắp và có nhân thân xấu; còn bị cáo Dương Anh T tham gia với vai trò đồng phạm thứ yếu, là người cảnh giới cho bị cáo T1 hiện hành vi trộm cắp và có nhân thân tốt nên cần xử phạt bị cáo T mức hình phạt thấp hơn bị cáo T1.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Riêng bị cáo T phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội đã tác động gia đình nộp tiền bồi thường thiệt hại cho bị hại và tại phiên tòa được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Vì vậy cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo; áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật

Hình sự đối với bị cáo T để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập và tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] Về bồi thường thiệt hại: Bị hại yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền 18.421.000đ (*trong đó, 15.941.000đ là tài sản trộm cắp và 2.500.000đ giá trị của chiếc nhẫn vàng*). Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đồng ý bồi thường toàn bộ số tiền này cho bị hại. Bị cáo Dương Anh T đã tự nguyện tác động gia đình bồi thường số tiền 7.000.000đ cho bị hại tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố G, việc bồi thường này là tự nguyện, số tiền bồi thường là phù hợp với tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo T gây ra nên cần chấp nhận và cần buộc bị cáo Hoàng Đình T phải bồi thường toàn bộ số tiền còn lại là 11.421.000đ cho ông Lê Văn D.

[8] Việc xử lý vật chứng: Đối với 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung, loại A50S; 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia 8000 4G, màu đen; 01 nhẫn bằng vàng, các bị cáo đã rút không xác định được vị trí, không thu giữ được nên không đề cập xử lý.

[9] Đối với chiếc xe mô tô BKS 47M2-6482 Dương Anh T sử dụng để chở Hoàng Đình T đi trộm cắp tài sản. Đây là xe T mượn của đối tượng tên Nghị và đã trả lại; hiện chưa xác minh được nhân thân, lai lịch của đối tượng tên Nghị. Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, xác minh khi có đủ căn cứ sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

[10] Xét các chứng cứ buộc tội và quan điểm xử lý của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông đối với các bị cáo là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[11] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[12] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Hoàng Đình T và Dương Anh T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Hoàng Đình T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 31/5/2023.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Dương Anh T 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 19/5/2023.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 590 của Bộ luật Dân sự:

Chấp nhận việc bị cáo Dương Anh T đã tác động gia đình bồi thường số tiền

7.000.000đ (*bảy triệu đồng*) cho ông Lê Văn D; ông D được nhận số tiền này tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố G, tỉnh Đắk Nông.

Buộc bị cáo Hoàng Đình T phải bồi thường toàn bộ số tiền 11.421.000đ (*mười một triệu bốn trăm hai mươi một nghìn đồng*) cho ông Lê Văn D.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành các khoản tiền trên, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo Hoàng Đình T và Dương Anh T mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm. Buộc bị cáo Hoàng Đình T phải nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND TP Gia Nghĩa;
- Phòng PC 06 và PC 10 CA tỉnh Đắk Nông;
- Cơ quan CSĐT Công an TP Gia Nghĩa;
- Cơ quan THAHS Công an TP Gia Nghĩa;
- Chi cục THADS TP G;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Đỗ Thị Thắm